

Số: /BC-UBND

Liên Thành, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số 10 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

1. Về công tác chỉ đạo điều hành:

Trên cơ sở Nghị Quyết số 09/NQ-TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, UBND xã đã thành lập Ban Chỉ đạo do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, xây dựng Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện gồm:

- Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 24/2/2023 về việc triển khai thực hiện một số nhiệm vụ Đề án 06 địa bàn xã Liên Thành năm 2023.

- Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 21/3/2023 Kế hoạch Chuyển đổi số xã Liên Thành đến năm 2025;

- Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 4/4/2023 Kế hoạch Chuyển đổi số xã Liên Thành năm 2023;

- Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 19/6/2023 Kế hoạch Ứng dụng CNTT trong hoạt động của xã Liên Thành;

- Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 19/6/2023 Kế hoạch tập huấn Kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức xã;

- Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 04/10/2023 Kế hoạch tuyên truyền, hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia 10/10/2023.

- Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 07/6/2023 Kế hoạch phát động đợt thi đua cao điểm “Hướng về cơ sở, phủ xanh tài khoản định danh điện tử trên địa bàn xã Liên Thành”;

- Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 08/6/2023 về thành lập tổ công tác phủ xanh tài khoản định danh điện tử;

- Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 05/5/2023 Kế hoạch cao điểm 70 ngày đêm cấp thẻ Căn cước công dân;

- Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 4/4/2023 kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2023;

- Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 9/6/2023 kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện TTHC tại UBND xã Liên Thành.

- Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 6/6/2023 kế hoạch tuyên truyền, nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.....

2. Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số.

- Thực hiện kết nối hệ thống hội nghị trực tuyến đồng bộ từ cấp tỉnh, huyện, xã và kết nối hệ thống hội nghị trực tuyến quốc gia.

- 100% hồ sơ công việc cấp xã được trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước, hồ sơ công việc có nội dung bí mật).

- Trên 80% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

- Trên 50% người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đạt 50%; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính (nộp trực tiếp, nộp qua bưu chính) được số hóa cập nhật lên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; 100% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 80,5% dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh

- Trên 40% người dùng thiết bị đầu cuối thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử.

3. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin (CNTT) của các cơ quan nhà nước xã đã được đầu tư xây dựng khá đồng bộ, phù hợp với mục tiêu và quy hoạch đề ra, 100% cán bộ công chức được trang bị máy vi tính phục vụ cho công việc hàng ngày. Tại bộ phận một cửa của UBND xã được trang bị máy scan để số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính. Hạ tầng mạng LAN, WAN và internet trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn hiện đã được đầu tư tương đối đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu trao đổi dữ liệu, kết nối với các đơn vị. Khai thác và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh vận hành phần mềm quản lý văn bản điều hành liên thông 4 cấp VNPT - IOffice.

4. Về phát triển Chính quyền số

4.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

Đến nay, tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã đã tổ chức thực hiện quy trình “4 tại chỗ” trong giải quyết thủ tục hành chính. Tiếp tục thực hiện tốt việc tiếp nhận giải quyết và trả kết quả trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường triển khai hỗ trợ tạo tài khoản trực tuyến cho người dân, hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt cao trên 40%. Tại Bộ phận Một cửa xã đã tiến hành cấu hình tài khoản ngân hàng vào cổng DVC để người dân thanh toán trực tuyến, công khai tài khoản để thu phí và lệ phí không dùng tiền mặt.

4.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành

Xã đã thành lập Cổng Thông tin điện tử và thiết lập đảm bảo đúng theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Cổng thông tin điện tử xã trong thời gian hoạt động đã thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý, vận hành khai thác của Cổng TTĐT và các cổng thành phần; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là kênh thông tin chính thống của UBND xã. Thường xuyên tập hợp và truyền tải trao đổi thông tin trên các lĩnh vực phục vụ công tác chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, Chính quyền; là phương tiện để các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã cung cấp thông tin cho người dân; đồng thời là địa chỉ tin cậy để nhân dân tìm kiếm những thông tin cần thiết dễ dàng, thuận tiện. 10 tháng đầu năm 2023 Cổng thông tin điện tử xã đã đăng tải 126 tin bài trong đó: 76 tin, và 50 văn bản chỉ đạo điều hành. Được UBND huyện đánh giá thực hiện tốt.

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành VNPT IOFFICE được triển khai ứng dụng trong các cơ quan đơn vị, bao gồm các cơ sở y tế và các trường học trên địa bàn.

Cán bộ công chức viên chức đã chủ động sử dụng phần mềm để gửi, nhận và xử lý văn bản. Đến thời điểm ngày 30/10/2023, tổng số văn bản đến tiếp nhận trên hệ thống là 2.333 văn bản; tổng số văn bản đã chuyển thực hiện đạt 100%. Số văn bản được phát hành trên hệ thống là 627 văn bản, số văn bản phát hành có ký số đạt 100 %.

- Cán bộ công chức viên chức trong các cơ quan trên địa bàn được cấp tài khoản Hộp thư điện tử công vụ để trao đổi thông tin, hạn chế sử dụng các tài khoản Gmail, Yahoo,... nhằm đảm bảo an toàn thông tin của tổ chức và cá nhân.

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến kết nối liên thông với hệ thống trực tuyến của trung ương và của tỉnh, huyện, 03/03 trường học sử dụng hệ thống giao ban trực tuyến phục vụ các cuộc họp trực tuyến đối với lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

- Đã cập nhật đủ 20 trường dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo “Đúng - Đủ - Sạch” và kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ công chức, viên chức do Bộ Nội vụ quản lý; hoàn thành việc cập nhật thông tin cán bộ công chức, viên chức trên ứng dụng VneID của Bộ Công an.

- Triển khai thực hiện cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo tại địa chỉ: csdlqgkntc.thanhtra.gov.vn, triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định của Nghị định số 55/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ (thông tin của người tố cáo được bảo vệ và giữ bí mật đảm bảo quy định của Luật Tố cáo, sau khi nhập lên, hệ thống sẽ thực hiện ẩn phần thông tin này lại).

4.3. Về phát triển nguồn nhân lực

Việc phát triển nguồn nhân lực CNTT thường xuyên được quan tâm, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức huyện và xã; việc dạy và học tin học: 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo tin học và các ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng máy tính để xử lý công việc đạt 100%; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng internet để xử lý công việc đạt 100%.

Tỷ lệ cán bộ công chức, viên chức có chứng chỉ ứng dụng CNTT theo chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản trở lên theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT, ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp, đạt 100%.

Các trường thực hiện tốt công tác giảng dạy tin, 100% các trường đã đưa tin học vào giảng dạy.

Triển khai thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng giúp hướng dẫn người dân, hộ gia đình sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tương tác với chính quyền qua nền tảng số; tham gia sàn thương mại điện tử uy tín; hướng dẫn người dân kỹ năng sử dụng phần mềm bảo đảm an toàn thông tin mạng ở mức cơ bản; kỹ năng sử dụng mạng xã hội văn minh, an toàn cũng như nhận diện, phòng ngừa thông tin xấu, độc trên không gian số...

4.4. Về công tác đảm bảo an toàn thông tin (ATTT)

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của lãnh đạo cơ quan về những nguy hại đến từ không gian mạng; nâng cao ý thức phòng tránh, tự vệ và sử dụng biện pháp kỹ thuật của người dùng cuối: Cài đặt phần mềm Bkav Endpoint do tỉnh cấp cho tất cả các máy tính trong cơ quan UBND huyện. Chỉ đạo thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin đối với các Cổng/trang thông tin điện tử các

xã, thị trấn. Triển khai đăng ký dán nhãn tín nhiệm mạng các Cổng/trang thông tin điện tử do UBND các xã chủ trì xây dựng.

5. Về phát triển kinh tế số

Hoạt động phát triển kinh tế số có nhiều bước chuyển biến tích cực. Thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng phát triển. Hiện nay hệ thống các ngân hàng thương mại trên địa bàn đã triển khai đồng loạt hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt (QR Code); cơ bản dịch vụ công thanh toán qua kho bạc đã thực hiện qua mạng; trên địa bàn xã đã hoàn tất việc nhận lương qua tài khoản. Hiện nay tỉ lệ người trong độ tuổi lao động có tài khoản giao dịch tại các ngân hàng đạt trên 60%.

Các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ đã ứng dụng CNTT trong các công đoạn sản xuất, quản lý, kinh doanh; khai thác tốt các lợi ích của Internet trong việc hỗ trợ phát triển sản xuất - kinh doanh,... Đến nay, 100% doanh nghiệp trên địa bàn đều đã sử dụng email, zalo trong trao đổi công việc, chào bán sản phẩm, giao kết hợp đồng và kê khai thuế qua mạng; một số doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư xây dựng website, tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử hoặc ứng dụng mạng xã hội facebook, zalo để quảng bá, giới thiệu, mua bán sản phẩm, dịch vụ. 100% các doanh nghiệp đã kết nối, sử dụng internet phục vụ công việc với mục đích chủ yếu là tìm kiếm thông tin và trao đổi thông tin. Cơ bản các doanh nghiệp, nhà hàng trên địa bàn sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt (QR Code) để giao dịch.

Xã có sản phẩm Ocop được đăng bán trên sàn thương mại điện tử: Trứng vịt Liên Trì.

6. Về phát triển xã hội số

Việc ứng dụng CNTT trong nhân dân ngày càng tăng nhanh. Một số dịch vụ giá trị gia tăng như giải trí, đào tạo, tư vấn chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến, các dịch vụ tiện ích như tra cứu điểm thi, đăng ký học tại các trường, tham khảo để lựa chọn cơ sở đào tạo cho con em vào mùa thi. Người dân thay đổi thói quen, dần dần tiếp cận xã hội số, như giao dịch với ngân hàng, sổ khám bệnh online, nộp thuế điện tử, giao dịch qua dịch vụ công, các dịch vụ mua sắm, thanh toán điện tử ngày càng phát triển...

Tiến hành cấp thẻ cho đối tượng là Người có công và Bảo trợ được để chi trả tiền trợ cấp hàng tháng qua ATM là 128 người. Cấp thẻ an sinh xã hội cho 41/67 người là đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo năm 2023.

Các cơ quan đơn vị trên địa bàn cũng đẩy mạnh việc triển khai các ứng dụng CNTT, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Khả năng tiếp cận về CNTT và tiếp cận về các dịch vụ y tế, giáo dục thông minh của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn đã từng bước thay đổi, nâng cao nhận thức. Các điểm bưu điện được trang bị hệ thống máy tính có kết nối internet, máy quét (scan); Nhân viên điểm phục vụ được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ sử dụng hệ thống giải quyết thủ tục hành chính để hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

7. Kết quả triển khai, thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030”

- Công tác triển khai có sự đồng bộ, toàn diện, thể hiện sự đồng lòng, quyết tâm của các cấp, các ngành, trong đó Tổ Công tác Đề án 06/CP được thành lập. Việc tổ chức triển khai thực hiện 23/25 dịch vụ công thiết yếu tích cực triển khai tạo được dư luận đồng tình, ủng hộ đánh giá cao. Việc kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân

cư với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã phát huy hiệu quả, đem lại những tiện ích cho người dân.

- UBND xã đã ban hành kế hoạch, quyết định và quy chế hoạt động của tổ công tác triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn.

- Đã thiết lập đường dây nóng từ cấp xã đến xóm. Tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, đặc biệt chú trọng tuyên truyền đến từng ngõ, ngách, khu dân cư để tuyên truyền hướng dẫn người dân.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Cơ sở hạ tầng mạng, máy tính cơ bản đã đáp ứng yêu cầu công việc tuy nhiên so với sự phát triển công nghệ thông tin chưa đảm bảo để ứng dụng những hệ thống đòi hỏi cấu hình cao.

2. Nguồn lực về CNTT cho công chức có trình độ, năng lực và hiểu biết công nghệ thông tin để phụ trách lĩnh vực Chuyển đổi số còn hạn chế.

3. Người dân, doanh nghiệp vẫn chưa quan tâm, sử dụng các hệ thống dịch vụ công.

4. Cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn chưa quan tâm đến việc đảm bảo an toàn thông tin trên không gian mạng. Trình độ năng lực của cán bộ công chức nhằm hạn chế những nguy cơ mất an toàn thông tin còn hạn chế.

III. NGUYÊN NHÂN TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nhận thức về tầm quan trọng chuyển đổi số của các cấp ủy đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn. Một số ban ngành và đơn vị chưa tạo thói quen làm việc cho cán bộ công chức trên môi trường số. Một số ban ngành còn có tư tưởng nhiệm vụ chuyển đổi số là nhiệm vụ của ngành Văn hóa - Thông tin, do đó việc chỉ đạo thiếu quyết liệt.

2. Mặc dù phần lớn người lao động đã sử dụng điện thoại thông minh nhưng cấu hình còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng một số phần mềm dịch vụ chuyển đổi số. Tình trạng sử dụng sim điện thoại không chính chủ còn nhiều ảnh hưởng đến việc tạo tài khoản trên Cổng dịch vụ công. Trình độ, kỹ năng và thói quen của người dân trong ứng dụng CNTT, công nghệ số phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh và khai thác, sử dụng các dịch vụ trên môi trường mạng chưa đảm bảo yêu cầu.

3. Nhận thức về tầm quan trọng trong công tác bảo mật đảm bảo an toàn thông tin cá nhân trên mạng internet chưa được quan tâm.

4. Chưa có cơ chế chính sách để hỗ trợ cho cán bộ cấp xã và các tổ công nghệ số cộng đồng để động viên, khuyến khích hỗ trợ người dân tham gia thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số:

- Người đứng đầu cơ quan đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trong thực hiện chủ trương, chính sách về chuyển đổi số; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, người dân, doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình hành động, đề án, mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng;

- Hướng dẫn, hỗ trợ để người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ từ chuyển đổi số, qua đó giúp doanh nghiệp, người dân dễ nắm bắt, tiếp cận, tích cực tham gia tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động.

2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật, cập nhật số hóa phục vụ chuyển đổi số

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đảm bảo ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan: trang thiết bị CNTT; hạ tầng mạng LAN; mạng internet tốc độ cao...; đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các ứng dụng CNTT dùng chung của cấp trên.

- Triển khai số hóa, đáp ứng yêu cầu xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành trọng điểm phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp hoặc tham gia triển khai các hệ thống do tỉnh triển khai tại địa phương như: CSDL, HTTT về dân cư, đất đai, quy hoạch, giao thông, xây dựng, y tế, giáo dục, tài nguyên, môi trường, bảo hiểm, đăng ký doanh nghiệp; cán bộ, công chức, viên chức, lao động; Chính sách, an sinh xã hội...)

- Cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ cho các HTTT của các cơ quan nhà nước; kết nối với các CSDL, HTTT Quốc gia.

3. Tăng cường các ứng dụng và dịch vụ chuyển đổi số

- Tiếp tục khai thác và vận hành tốt các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ quản lý điều hành: Hệ thống Cổng thông tin điện tử, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống quản lý văn bản điều hành, ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, thư điện tử, chữ ký số, hội nghị truyền hình trực tuyến ...

- Triển khai thực hiện hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc, phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cấp chính quyền trên địa bàn để rút ngắn thời gian họp, giảm giấy tờ hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan nhà nước; triển khai hiệu quả hệ thống báo cáo kết nối với hệ thống thông tin báo cáo...

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ tiện ích số.

- Tiếp tục đẩy mạnh và sử dụng hiệu quả Công dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn; đảm bảo phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn, hướng tới số hóa hồ sơ, giấy tờ, chuyển hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản giấy, giao dịch trực tiếp sang hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản điện tử, giao dịch điện tử và cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc vào thời gian, địa giới hành chính; triển khai các giải pháp thực hiện nhằm tăng số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC qua mạng.

- Thực hiện tốt Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

4. Bảo đảm an toàn thông tin mạng:

- Triển khai thực hiện hệ thống kỹ thuật bảo đảm An toàn thông tin phục vụ phát triển chính quyền điện tử, đô thị thông minh; triển khai các hoạt động bảo đảm An toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.

- Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao kiến thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức nhà nước và người dùng internet trên địa bàn.

5. Phát triển nguồn nhân lực CNTT trong chuyển đổi số:

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng, phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt hỗ trợ trực tiếp cho các hộ gia đình phát triển công dân số, kinh tế số, xã hội số.

Trên đây là báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ Chuyển đổi số 10 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến để bản báo cáo tiếp tục được hoàn thiện hơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng VH TT (b/c);
- Các thành viên trong BCD;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Xuân Hương